

Án số: 41/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 23- 5- 2025.
V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Ngọc
Ông Nguyễn Văn Chiến
Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Ngô Văn Định- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 14/2025/TLST- HNGĐ ngày 14/01/2025 về “ Tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST/HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1984 (có mặt)
Cư trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Bá H2, sinh năm 1978 (có mặt)
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà C, tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Tạm trú tại: Tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Chị và anh H2 kết hôn ngày 12 tháng 11 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nay là thị trấn K, huyện L. Sau khi kết hôn chị về gia đình nhà chồng làm dâu ngay ở chung với gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, ngày 09/12/2024

xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do chị thấy trong ô tô của anh H2 có đơn tố cáo khẩn cấp về việc anh H2 có quan hệ ngoại tình với chị Chu Thị H1. Vợ chồng không còn tình cảm, nghi ngờ nhau về tình cảm. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh H2 như vậy chị không khuyên bảo. Chị yêu cầu anh H2 giải thích nhưng anh H2 bảo không có gì. Sự việc như vậy gia đình nhà chồng hòa giải nhưng không có kết quả. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm đến nhau, ai biết người đó. Anh H2 ở tổ dân phố Đ, phường Q thỉnh thoảng mới về nhà, anh H2 không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ ngày 09/12/2024 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị Lan P, sinh ngày 15/6/2017, Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/6/2017, hiện đang ở với vợ chồng.

Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi 02 con chung, chị không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con.

Nghề nghiệp chính của chị là làm ruộng. Ngoài ra thỉnh thoảng chị đi nấu cỗ thuê. Việc làm ruộng là ổn định thu nhập 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/1 tháng; nấu cỗ thuê thì không ổn định thu nhập 200.000 đồng đến 300.000 đồng/1 tháng. Vì làm tự do nên chị không có bảng lương để xuất trình.

Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, công sức đóng góp, ruộng đất nông nghiệp: vợ chồng không có, nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Bá H2 là bị đơn trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng H kết hôn ngày 12 tháng 11 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về gia đình nhà chồng làm dâu ngay ở chung với gia đình. Ban đầu vợ chồng hạnh phúc, ngày 09 tháng 12 năm 2024 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng anh nhận được đơn tố cáo của ông Ngô Văn T và Ngô Văn T1 cho rằng anh có quan hệ ngoại tình với cô Chu Thị H1, nhưng thực tế không phải. Từ đó chị H nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình. Chị H mâu thuẫn với anh. Anh giải thích nhưng chị H không thay đổi. Sự việc như vậy bố mẹ anh khuyên bảo nhưng chị H không thay đổi. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 12 năm 2024 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị H xin được ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Lan P, sinh ngày 15/6/2017, Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/6/2017, hiện đang ở với vợ chồng. Nếu Tòa án giải quyết cho cô H ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi 02 con chung; Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghề nghiệp của anh là chạy taxi công việc và thu nhập ổn định khoảng hơn 20.000.000 đồng/1 tháng. Anh làm tự do nên không có bảng lương để xuất trình.

Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, công sức đóng góp, ruộng đất nông nghiệp: vợ chồng không có, nay anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại gia đình anh H2 cung cấp: Anh H2 và chị H kết hôn tháng 11 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nay là Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện L. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu ngay ở chung cùng gia đình. Sau khi kết hôn anh H2 và chị H không mâu thuẫn. Ngày 09/12/2024 gia đình nhận được đơn tố cáo của anh Ngô Văn T và Ngô Văn T1 có nội dung anh H2 chung sống như vợ chồng với chị Chu Thị H1 ở tổ dân phố Đ, phường Q. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Gia đình can ngăn, hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng chị H, anh H2 ly thân từ ngày 09/12/2024. Anh H2 nhiều lần muốn hòa giải nhưng chị H không đồng ý. Anh H2 thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến vợ con và gia đình.

Về con chung: Anh H2 và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Lan P, sinh ngày 15/6/2017 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/6/2017, hiện các con chung ở với chị H. Trường hợp anh H2 chị H ly hôn gia đình đề nghị giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng vì anh H2 thường xuyên không có ở nhà. Anh H2 lao động tự do thu nhập bao nhiêu tiền 1 tháng gia đình không rõ. Chị H lao động tự do thu nhập khoảng 3.000.000 đồng/1 tháng.

Kết quả xác minh tại địa phương cung cấp: H2 và chị H kết hôn tháng 11 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nay là Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện L. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu ngay. Ban đầu vợ chồng hòa thuận. Tháng 12 năm 2024 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do chị H cho rằng anh H2 có quan hệ ngoại tình, không chung thủy. Vợ chồng mâu thuẫn bố mẹ chồng can ngăn hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng chị H và anh H2 ly thân từ tháng 12 năm 2024.

Về con chung: Chị H và anh H2 có 02 con chung, hiện các con chung và chị H ở với bố mẹ anh H2. Chị H làm nghề tự do, thu nhập 3.000.000 đồng/1 tháng. Anh H2 làm nghề tự do ít liên hệ với gia đình và địa phương nên địa phương không nắm được thu nhập của anh H2.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị trình bày thêm: Chị đã được Tòa án giải thích về việc chị có quyền yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con. Nhưng chị không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con.

Anh H2 trình bày: Anh không đồng ý ly hôn, nếu Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn, anh đồng ý giao cho chị H nuôi 02 con chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn anh Nguyễn Văn Bá H2.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Lan P, sinh ngày 15/6/2017 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/6/2017, anh H2 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

- Án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị Hồng H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên giải quyết tranh chấp ly hôn, con chung. Anh Nguyễn Bá H2 là bị đơn tạm trú tại: Tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Nguyễn Bá H2 kết hôn ngày ngày 12 tháng 11 năm 2013, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nay là Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện L là phù hợp với với các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tháng 12 năm 2024 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H2 có đơn tố cáo nội dung anh H2 chung sống với người khác như vợ chồng. Chị H và anh H2 xảy ra mâu thuẫn, gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh H2 nhiều lần muốn hòa giải nhưng chị H không đồng ý. Anh H2 thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến vợ con và gia đình. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 12 năm 2024 đến nay.

Kết quả xác minh tại gia đình và địa phương: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do có đơn tố cáo anh H2 sống với người khác như vợ chồng. Vợ chồng chị H anh H2 xảy ra mâu thuẫn gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh H2

nhiều lần muốn hòa giải nhưng chị H không đồng ý. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 12 năm 2024 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị H và anh H2 mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhiều lần Tòa án hòa giải nhưng chị H cương quyết xin ly hôn. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có con chung 02 con chung tên Nguyễn Thị Lan P, sinh ngày 15/6/2017 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/6/2017. Xét yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: Kết quả xác minh tại gia đình và địa phương anh H2 thường xuyên vắng nhà; nguyện vọng của con chung ở với mẹ. Tại phiên tòa anh H2 xác định nếu Tòa án giải quyết cho chị H nuôi con, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị H nuôi. Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng đất nông nghiệp, công sức đóng góp*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn anh Nguyễn Bá H2.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Lan P, sinh ngày 15/6/2017 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/6/2017; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Bá H2 có quyền thăm nom con chung, vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số **0001584** ngày **10 tháng 01 năm 2025** của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Chị H đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TX Việt Yên;
- Chi cục THADS TX Việt Yên;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp thị trấn Kép

Bùi Thị Hương